

Bản án số: **27/2022/DS-ST**

Ngày: 11/3/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà

Ông Lương Văn Thoại

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội, tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 64/2021/TLST-DS ngày 08/06/2021 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐST-DS ngày 25/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-DS ngày 18/02/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C.

Địa chỉ trụ sở: Lầu, Quận x, TP Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Huy – Chức vụ: Nhân viên hỗ trợ - Phòng Kiểm soát rủi ro – S Chi nhánh L.

Địa chỉ liên hệ: Số, phường P, quận Bắc L, Thành phố Hà Nội

Bị đơn: Chị Hà Thị L, sinh năm 1983

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn 4, xã D, huyện K, Thành phố Hà Nội.

(Anh N có mặt tại phiên tòa, chị L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện ghi ngày 18/3/2021 nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ông Nguyễn Huy N trình bày:***

Ngày 15/11/2018 chị Hà Thị L, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn 4, xã D, huyện K, Thành phố Hà Nội đã ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15/11/2018 của chị Hà Thị L và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần C - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với Ngân hàng TMCP C (Gọi tắt là S) - Chi nhánh L. Căn cứ thu nhập của chị L, S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn và lãi quá hạn theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, tính đến nay chị L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 800.906.305 đồng. Chị L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 756.185.281 đồng.

Chị L sử dụng thẻ từ tháng 11/2018 đến tháng 06/2020 và có thanh toán đều cho Ngân hàng nhưng đến tháng 07/2020 thì ngưng thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, gia hạn tạo điều kiện nhưng chị L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do chị L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của chị L và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn vào ngày 22/07/2020 (theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc bằng 150% lãi suất trong hạn (Điều 23 của bản điều khoản điều kiện).

Tạm tính đến hết ngày 08/3/2022, chị L còn nợ S tổng số tiền:

- Nợ gốc: 57.559.393 đồng

- Nợ lãi (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) : 37.563.154 **đồng**

Tổng cộng: 95.122.547 **đồng**

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, S đã khởi kiện đòi với chị Hà Thị L và đề nghị Tòa án nhân dân huyện K xem xét, giải quyết các vấn đề sau: Buộc chị Hà Thị L phải thanh toán cho S toàn bộ số tiền nợ gốc, phí, nợ lãi và các khoản phát sinh theo Hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến hết ngày 08/3/2022 là: 95.122.547 **đồng**, trong đó: nợ gốc còn phải trả là: 57.559.393 đồng, nợ lãi còn phải trả là: 37.563.154 **đồng**, đồng thời yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa trả kể từ ngày 09/3/2022 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi chị Hà Thị L thanh

toán hết số tiền nợ gốc cho S.

Yêu cầu chị Hà Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đến nay S chỉ có biết chị L có Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng ở Thôn 4, xã D, huyện K, Thành phố Hà Nội. Ngoài ra không biết địa chỉ nơi ở nào khác của chị L. Hiện nay ngân hàng không liên lạc được với chị L, không biết chị L đi đâu, làm gì và khi nào trở về.

**** Bị đơn – chị Hà Thị L đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị L không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không có lời khai của chị L tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay.***

**** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau:***

- Tòa án nhân dân huyện K đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành nghiêm túc, không đến Tòa án giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C đối với chị Hà Thị L buộc chị L phải trả cho S số tiền tạm tính đến hết ngày 08/3/2022 là:

- Nợ gốc: 57.559.393 đồng

- Nợ lãi (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) : 37.563.154 **đồng**

Tổng cộng: 95.122.547 **đồng**

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Hà Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

* Về án phí: Vụ án thụ lý ngày 08 tháng 6 năm 2021, nên về án phí cần áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Về quan hệ pháp luật: Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng". Quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa hôm nay thể hiện chị Hà Thị L đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Đây là tranh chấp về dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp về dân sự, về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP C khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là chị Hà Thị L – Nơi cư trú cuối cùng: Thôn 4, xã D, huyện K, Thành phố Hà Nội nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về sự vắng mặt của Bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần và tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, Bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[3]. Việc ký kết hợp đồng: Ngày 15/11/2018 chị Hà Thị L - Nơi cư trú cuối cùng: Thôn 4, xã D, huyện K, thành phố Hà Nội đã ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15/11/2018 của chị Hà Thị L và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần C - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với Ngân hàng TMCP C (Gọi tắt là S) - Chi nhánh L, với nội dung:

Hạn mức tiền vay: 50.000.000 đồng.

Mục đích vay: Vay tiêu dùng cá nhân.

Lãi suất trong hạn và Lãi suất quá hạn theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Phương thức giải ngân: Giải ngân vào tài khoản của khách hàng mở tại S, nhận nợ từ thời điểm S giải ngân tiền vay vào tài khoản thanh toán của bên vay.

Chị Hà Thị L đã hiểu rõ, đồng ý và cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung xác nhận trong Văn bản khi chị L sử dụng dịch vụ tại S mà chị L đã ký ngày 15/11/2018.

Ngày 15/11/2018 S đã ký xác nhận về việc đồng ý phát hành thẻ tín dụng cho chị Hà Thị L.

[4]. Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Người tham gia ký kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Về nội dung của hợp đồng: Các điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[5] Về việc thực hiện hợp đồng của các bên: Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng, chị L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 800.906.305 đồng. Chị L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 756.185.281 đồng. Hai bên không có thắc mắc gì về các nội dung và điều khoản của Hợp đồng cũng như việc giải ngân số tiền vay. Chị L đã nhận đủ số tiền vay nhưng chị L đã không thanh toán đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng TMCP C. Vì vậy, Ngân hàng TMCP C khởi kiện yêu cầu buộc chị L phải trả nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Nguyên đơn đã giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kê chi tiết nợ gốc, lãi theo lịch trình trả nợ tại hợp đồng tín dụng đã ký kết của Bị đơn.

Xét các chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn nên căn cứ **khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng**, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc: 57.559.393 đồng, nợ lãi (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn): 37.563.154 **đồng**. Tổng cộng: 95.122.547 **đồng** là có căn cứ.

Từ những phân tích và đánh giá ở trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, về việc buộc Bị đơn là chị Hà Thị L phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho Nguyên đơn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 15/11/2018 tổng số tiền còn nợ (*tạm tính đến hết ngày 08/3/2022*) là: Nợ gốc: 57.559.393 đồng, nợ lãi (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn): 37.563.154

đồng. Tổng cộng: 95.122.547 **đồng**

[6]. Xét quan điểm và ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm. Cụ thể chị Hà Thị L phải chịu án phí sơ thẩm là: 4.756.127 đồng.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các **Điều 117; Điều 119; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;**

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần C đối với chị Hà Thị L.

2. Buộc chị Hà Thị L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C (Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/11/2018 của chị Hà Thị L và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần C) tổng số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 08/3/2022 là: 95.122.547 **đồng trong đó nợ gốc:** 57.559.393 đồng, nợ lãi (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn): 37.563.154 **đồng.**

3. Buộc chị Hà Thị L phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa trả kể từ ngày 09/3/2022 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15/11/2018 của chị Hà Thị L và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần C) cho đến khi chị L thanh toán hết số tiền nợ gốc cho Ngân hàng TMCP C.

4. Về án phí:

Buộc chị Hà Thị L phải chịu án phí sơ thẩm là: 4.756.127 đồng.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu số AA/2020/0072628 ngày 02/6/2021 là 1.712.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

6. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Dương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TANDTP.Hà Nội;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP/TA.

Nguyễn Viết Tuấn